

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16 – 7 – 2024

V/v “tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thật

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Toàn

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Vân

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Vĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Bùi Thị Huyền Tr**, sinh năm 1983; Nơi thường trú: Ấp 1, xã Vĩnh Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An; Chỗ ở hiện nay: Ấp 1, xã T1, huyện T, tỉnh Long An.

2. **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Minh T2**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp 1, xã T1, huyện T, tỉnh Long An.

Bà Tr và ông T2 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Bùi Thị Huyền Tr: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị Huyền Tr trình bày:

Bà Tr và ông T2 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân UBND xã T1, huyện T vào ngày 25/9/2023. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có con chung. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn.

Nguyên nhân chủ yếu do tính tình hai bên không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung; ông T2 không chia sẻ công việc trong gia đình, không quan tâm đến vợ và gia đình mà chỉ lo làm việc, vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay, bà Tr nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn nên bà Tr yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Tr yêu cầu được ly hôn với ông T2.
- Về con chung: Bà Tr xác định trong thời kỳ hôn nhân bà và ông T2 không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Yêu cầu, đề nghị của bị đơn – ông Nguyễn Minh T2: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Minh T2 trình bày:

Ông T2 thống nhất với thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung như bà Tr trình bày. Ông T2 xác định từ khi kết hôn cho đến nay hai vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn, ông không dùng vũ lực đối với vợ và không thường xuyên uống rượu bia mà chỉ lo đi làm để trang trải cho kinh tế gia đình. Sau khi kết hôn thì bà Tr không về bên gia đình chồng sinh sống mà thuê trọ để ở gần nơi làm việc (Khu công nghiệp xã Lợi Bình Nhơn, Phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An). Thời gian gần đây, bà Tr thường hay cáu gắt, tìm chuyện để cự cãi với ông T2. Nay, bà Tr yêu cầu ly hôn thì ông T2 có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Ông T2 không đồng ý ly hôn với bà Tr vì ông còn rất thương vợ.
- Về con chung: Ông T2 thống nhất với yêu cầu của bà Tr, xác định vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản và nợ: Ông T2 thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành hòa giải vụ án nhưng không thành. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T tiến hành các thủ tục tố tụng để đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Bùi Thị Huyền Tr và ông Nguyễn Minh T2 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T, tỉnh Long An vào năm 2023 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn, đây là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình, ông T2 cư trú trên địa bàn thuộc huyện T, tỉnh Long An nên

vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân giữa bà Bùi Thị Huyền Tr và ông Nguyễn Minh T2:

Bà Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn và xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, ông T2 không quan tâm chia sẻ công việc trong gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Bà Tr xác định mâu thuẫn giữa bà và ông T2 là không thể hàn gắn được, bà không còn tình cảm với ông T2 nên yêu cầu được ly hôn. Ông T2 không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Tr, ông T2 cho rằng giữa ông và bà Tr không xảy ra mâu thuẫn, ông làm ăn lo trang trải kinh tế gia đình nhưng từ khi kết hôn, bà Tr không về chung sống mà thuê nhà trọ ở gần nơi đi làm ở thành phố Tân An, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu tháng 4/2024. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tr thì ông T2 xác định vẫn còn thương bà Tr nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, ông T2 cho rằng mâu thuẫn giữa bà Tr và ông T2 là không có nhưng bà Tr xác định quá trình chung sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn xảy ra kéo dài và không thể hàn gắn được nên ông T2 và bà Tr đã sống ly thân từ đầu tháng 4/2024. Từ khi Tòa án tiến hành hòa giải giữa bà Tr và ông T2 đến nay các bên vẫn không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, ông T2 không đưa ra được biện pháp hàn gắn tình cảm thuyết phục; bà Tr xác định không còn tình cảm với ông T2 và vẫn cương quyết ly hôn.

Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa bà Tr và ông T2 không còn, tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tr đối với ông T2.

[3] Về con chung: Bà Tr và ông T2 thống nhất trong quá trình chung sống không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tr và ông T2 thống nhất không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Bùi Thị Huyền Tr phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Huyền Tr đối với ông Nguyễn Minh T2.

1. Về hôn nhân: Cho bà Bùi Thị Huyền Tr được ly hôn với ông Nguyễn Minh T2.

2. Về con chung: Bà Bùi Thị Huyền Tr và ông Nguyễn Minh T2 thống nhất không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tr và ông T2 không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí:

Bà Bùi Thị Huyền Tr phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước. Chuyển số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà Tr đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003956 ngày 19 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An sang thi hành án phí. Bà Tr đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Nguyễn Minh T2 không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Tr và ông T2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã (thị trấn) nơi đăng ký kết hôn (để ghi vào Sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thật